

Số: 01 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 01-05/2023 ngày 05 tháng 5 năm 2024 và Văn bản số 05-12/2024 ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hộ kinh doanh Lê Thị Lệ Thu về việc chỉnh sửa nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Trại chăn nuôi heo tập trung, quy mô 1.200 con heo nái, 6.000 con heo thịt, tương đương khoảng 1.800 đơn vị vật nuôi” tại xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 772/TTr-STNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ kinh doanh Lê Thị Lệ Thu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trại chăn nuôi heo tập trung, quy mô 1.200 con heo nái, 6.000 con heo thịt, tương đương khoảng 1.800 đơn vị vật nuôi” tại xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trại chăn nuôi heo tập trung, quy mô 1.200 con heo nái, 6.000 con heo thịt, tương đương khoảng 1.800 đơn vị vật nuôi.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh mã số hộ kinh doanh 8332781672, mã số đăng ký Hộ kinh doanh 47G8005177 đăng ký lần đầu ngày 09/7/2012, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 16/4/2024 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Xuân Lộc cấp.

1.4. Mã số thuế: 8332781672

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chăn nuôi gia súc (heo).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích khu đất xây dựng trại 60.012 m², trong đó diện tích xây dựng các hạng mục công trình chăn nuôi chính là 7.560 m² chuồng trại.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô, công suất: 6.000 heo thịt, tương đương khoảng 1.200 đơn vị vật nuôi.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ kinh doanh Lê Thị Lệ Thu:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh Lê Thị Lệ Thu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(Từ ngày 03 tháng 01 năm 2025 đến ngày 03 tháng 01 năm 2032).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Hộ kinh doanh Lê Thị Lệ Thu;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Xuân Lộc;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân;
- + Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ 06 dãy chuồng trại ;
- + Nguồn số 03: Nước thải từ nhà ép phân;

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý được bơm ra suối cạn nằm cạnh khu đất của trại.

2.2. Vị trí xả nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý được bơm ra suối cạn giáp ranh cơ sở bằng đường ống PVC Ø 90 dài khoảng 30m tại xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải X(m): 1214987,0; Y(m): 466996,1
(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰45', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 100 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A với $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$.

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A; $K_f=1,2$; $K_q = 0,9$	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	43,2		
3	COD	mg/l	108		
4	TSS	mg/l	54		

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 62- MT:2016/BTNMT cột A; $K_f=1,2$; $K_q=0,9$	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	Tổng N	mg/l	54		
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

a) Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày của cơ sở để xử lý. Trang trại có 03 bể tự hoại 3 ngăn (bao gồm: 01 bể tự hoại thể tích 12 m³ tại khu vực nhà bảo vệ, 01 bể tự hoại thể tích 48 m³ tại khu vực nhà kỹ thuật, nhà điều hành, nhà ở công nhân và 01 bể tự hoại nhà cách ly thể tích 12 m³) bằng vật liệu BTCT để xử lý sơ bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt. Trang trại sử dụng tuyến đường ống thu gom nước thải bằng ống nhựa PVC Ø90 với chiều dài tuyến ống khoảng 100 m để thu gom, thoát nước thải sau bể tự hoại, sau đó nước thải sau bể tự hoại tiếp tục được gom cùng với nước thải chăn nuôi thông qua mương thoát nước thải BTCT có nắp đan kích thước (01 m x 0,5 m), dài khoảng 200 m dẫn về khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý.

b) Đối với nước thải chăn nuôi:

- Nước sát trùng từ nhà sát trùng xe, sát trùng người ra vào trang trại, lượng nước thải này phát sinh không đáng kể, phần lớn là bay hơi.

- Nước thải chăn nuôi từ khu vực các chuồng nuôi (bao gồm: nước thải từ tắm rửa cho heo, nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại, nước thải từ quá trình heo uống) được thu gom theo các đường ống nhựa PVC kích thước Ø200 với tổng chiều dài khoảng 36 m ở cuối các dãy chuồng, sau đó dẫn ra mương thoát nước thải BTCT có nắp đan kích thước (01 m x 0,5 m), dài khoảng 200 m, gom cùng nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, dẫn về khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý.

- Nước thải từ quá trình ép phân: Được thu gom bằng đường ống nhựa PVC Ø114, chiều dài khoảng 20m, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trang trại để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể Biogas → Hồ sinh học (02 hồ, có lót bạt chống thấm) → Bể lắng sơ bộ → Bể anoxic 1 → Bể sinh học 1 → Bể sinh học 2 → Bể anoxic 2 → Bể sinh học 3 → Bể lắng sinh học → Hồ trung gian (có lót bạt chống thấm) → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Vị trí tiếp nhận nước thải: Nước thải sau bể khử trùng theo đường ống PVC D90 chảy ra suối cạn sát ranh dự án.

- Tọa độ vị trí xả thải: (X = 1214987,0; Y = 466996,1 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, Chlorine.

- Công suất thiết kế: 100m³/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

b) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, tình trạng hoạt động để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.

- Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý: công nhân vận hành sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành hệ thống xử lý nước thải. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và ngưng hoạt động, nước thải sẽ được bơm về hồ sinh học (02 hồ, có lót bạt HDPE), hồ trung gian (01 hồ, có lót bạt HDPE) để lưu chứa đảm bảo không thải nước thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường với thời gian lưu chứa > 24 h. Khi hệ thống xử lý nước thải được sửa chữa và khắc phục xong, nước thải được lưu chứa tại hồ sinh học, hồ trung gian sẽ được bơm về đầu vào hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý theo như quy trình ban đầu.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 6 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Vị trí lấy mẫu: Đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- + Thành phần ô nhiễm chính: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng Coliform.

- + Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A với $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải);

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, nước thải sau xử lý của Trại phải bảo đảm đáp ứng xử lý đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$ trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải

3.4. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình

kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.5. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.6. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các hồ chứa nước thải đầu vào, hồ chứa nước thải sau xử lý nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng bạt chống thấm và thay thế, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.7. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở.



Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01 /GPMT-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Trại sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu mùi hôi phát sinh tại khu vực chăn nuôi đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:
2. Đã xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng, bố trí hệ thống quạt hút hoạt động liên tục tăng cường độ thông thoáng.
3. Thường xuyên nạo vét, khơi thông các công trình thu gom nước thải tránh gây ứ đọng, phát sinh mùi hôi.
4. Trồng cây xanh bao quanh khuôn viên, ao chứa nước thải, giảm thiểu tối nhất khả năng phát tán các khí từ khu vực chăn nuôi ra ngoài môi trường.
5. Phía sau các dãy chuồng trại đã được bố trí 48 quạt hút, công suất mỗi quạt khoảng 1,5 HP, lưu lượng tối đa 45.000 m³/giờ. Đồng thời, sau mỗi quạt hút tại các chuồng trại đã được bố trí hệ thống phun sương chế phẩm EM nhằm khử mùi.
6. Nhà ép phân: phân sau khi qua máy ép sẽ được phun chế phẩm EM nhằm giảm thiểu mùi, sau đó sẽ được đóng thành bao 50kg, miệng bao được cột chặt, sau đó giao cho đơn vị có chức năng để sản xuất thành phân bón.
7. Khu vực xử lý nước thải: Bề mặt hầm Biogas được phủ bạt HDPE dày 1mm nhằm lưu giữ các khí gas sinh ra trong hầm và sau đó được sử dụng làm nhiên liệu đốt hoặc đốt bỏ. Trại sẽ thực hiện thường xuyên kiểm tra bạt, phát hiện kịp thời và có phương án sửa chữa hoặc thay thế khi bạt thủng.
8. Thường xuyên phun nước tạo ẩm đường nội bộ để hạn chế bụi phát tán.
9. Máy phát điện dự phòng: Sử dụng loại nhiên liệu đốt là dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05%S) khi hoạt động máy phát điện dự phòng.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn và vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: tại khu vực cổng ra vào. Tọa độ X = 1215263,6; Y = 466723,2.

+ Nguồn số 2: tại khu vực quạt hút sau dây chuyền trại 01. Tọa độ: X = 1215108,2; Y = 466807,2

+ Nguồn số 3: tại khu vực quạt hút sau dây chuyền trại 02. Tọa độ: X = 1215094,6; Y = 466832,4

+ Nguồn số 4: tại khu vực quạt hút sau dây chuyền trại 03. Tọa độ: X = 1215082,1; Y = 466857,3

+ Nguồn số 5: tại khu vực quạt hút sau dây chuyền trại 04. Tọa độ: X = 1215068,1; Y = 466882,2

+ Nguồn số 6: tại khu vực quạt hút sau dây chuyền trại 05. Tọa độ: X = 1215055,2; Y = 466905,0

+ Nguồn số 7: tại khu vực quạt hút sau dây chuyền trại 06. Tọa độ: X = 1215041,5; Y = 466929,9

+ Nguồn số 8: tại khu vực xử lý nước thải. Tọa độ: X = 1215001,5; Y = 466963,1

+ Nguồn số 9: tại khu vực đặt máy phát điện. Tọa độ: X = 1215230,2; Y = 466805,7

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ chăn nuôi được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất. Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ dự án; kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh: 1.830 kg/năm.

Stt	Loại chất thải nguy hại	Trạng thái (Rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	50	13 02 01	NH
2	Chai lọ thuốc, vắc xin	Rắn	50	14 01 06	KS
3	Bao bì thuốc thú y, thuốc sát trùng hết hạn, thuốc vắc xin, hóa chất hết hạn	Rắn	100	14 01 08	NH
4	Chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn	10	14 02 02	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	5	16 01 06	NH
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12	NH
7	Bao bì nylon, bao bì giấy chứa thuốc thú y nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	100	18 01 01	KS
8	Giẻ lau, bao tay nhiễm dầu nhớt, hóa chất	Rắn	5	18 02 01	KS
9	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	1.500	12 02 02	KS
	Tổng cộng		1.830		

Đối với heo chết do dịch bệnh (nếu có), Chủ cơ sở liên hệ với địa phương để được hướng dẫn xử lý theo quy định.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 639.680kg/năm.

TT	Nhóm CTRCNTT	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhóm nhựa: PP, PE, nhựa hỗn hợp...	14 01 11	Rắn	TT-R	50
2	Nhóm gỗ phế liệu: pallet,...	18 01 07	Rắn	TT-R	50
3	Nhóm kim loại: sắt phế liệu, inox, lưới lọc, nhôm phế liệu,...	14 01 14	Rắn	TT-R	10
4	Nhóm giấy phế liệu: thùng carton, giấy loại,...	18 01 05	Rắn	TT-R	55
5	Hộp mực in văn phòng	08 02 08	Rắn	TT	5
6	Chất thải rắn từ quá trình lọc nước dưới đất	12 10 01	Rắn	TT	100
7	Bùn nạo vét từ các hố ga, bùn từ bể tự hoại	12 05 07	Bùn	TT	500
8	Bùn từ bể biogas	12 05 07	Bùn	TT	2.160
9	Heo chết không do dịch bệnh	14 01 10	Rắn	TT	6.750
10	Phân heo	14 01 12	Rắn	TT	630.000
Tổng khối lượng					639.680

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (Tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	5,623
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng	0,865
3	Chất thải còn lại	2,163
Tổng khối lượng		8,65

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 240L.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 01 khu lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại diện tích 14,1m² (trong đó khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường diện tích khoảng 9,1 m², khu vực lưu giữ chất thải nguy hại khoảng 5 m²).

- Khu lưu chứa chất thải nguy hại: khu lưu giữ có tường bao che; mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại mái được lợp bằng tôn. Bố trí đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định. Trên từng thiết bị lưu

chứa dán các dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa, mã chất thải nguy hại phù hợp với thành phần tính chất của các loại chất thải.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng.

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường: 01 khu lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại diện tích 14,1m² (trong đó khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường diện tích khoảng 9,1 m², khu vực lưu giữ chất thải nguy hại khoảng 5 m²).

- Diện tích nhà ép phân: 72 m².

- Thiết kế, cấu tạo chung của khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường: Nhà chứa dựng vách ngăn bằng tôn; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực; nền đổ bê tông chống nước mưa từ ngoài tạt vào; có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại gồm: bao bì, kim loại, bao bì, giấy loại,...được thu gom, lưu chứa tại khu lưu chứa chất thải thông thường diện tích 9,1m².

- Phân heo: 70% lượng phân heo được thu gom dạng khô và đưa về khu vực ép phân; 30% lượng phân còn lại được đưa về bể biogas. Phân heo sau ép được bổ sung thêm chế phẩm EM để giảm thiểu mùi, sau đó được đóng thành bao loại 50kg. Phân sau khi ép sẽ được chuyển giao cho cơ sở có chức năng tái sử dụng hoặc đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đối với xác heo chết thông thường: sẽ được nấu chín cho cá ăn, nếu số lượng nhiều chủ cơ sở cấp đông và để dành cho cá ăn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Chất thải sinh hoạt được phân loại thành 03 nhóm là nhóm chất thải thực phẩm; nhóm chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng và nhóm chất thải còn lại tại nguồn phát sinh. Trại bố trí các thùng nhựa dung tích 240 lít, có nắp đậy kín, được bố trí trong khuôn viên trang trại.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ nguyên liệu, hóa chất

- Khu vực lưu trữ có biển báo, có dữ liệu an toàn về hóa chất: tên (tên thương mại và tên thường gọi nếu có), thành phần hóa chất, tên và địa chỉ người

cung cấp hoặc nơi sản xuất, cách sử dụng và lưu giữ hóa chất, những biện pháp sơ cứu, biện pháp phòng chống cháy, thông tin về tính chất vật lý, tính chất hóa học, độc tính.

- Được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp, có bảng hướng dẫn cụ thể tính chất của từng hóa chất, những điều cần tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển, san rót hóa chất.

- Khi làm việc với hóa chất cần mang các dụng cụ an toàn cá nhân như khẩu trang, kính bảo vệ, găng tay...

- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện những mối nguy hiểm có thể dẫn đến rủi ro, hạn sử dụng của các loại hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Trại thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ như sau:

- Thiết lập quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với kết cấu xây dựng.

- Quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện của trang trại.

- Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về PCCC.

- Bố trí lực lượng phòng cháy và chữa cháy, lực lượng này được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố kho chứa chất thải nguy hại

- Kho lưu giữ chất thải được bố trí mái che xung quanh có gờ bao để phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các

biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển CTNH.

5. Phương án phòng ngừa sự cố từ hầm Biogas

- Thường xuyên kiểm tra bạt HDPE nhằm phát hiện khí Metan có thể thoát ra ngoài và gây cháy khi gặp nguồn nhiệt.

- Lắp đặt các biển cấm công nhân hút thuốc và mang nguồn nhiệt đến gần hầm Biogas.

- Nhân viên vận hành hệ thống đốt khí gas liên tục để giảm thiểu sự cố dư gas trong hầm có thể gây nổ hầm biogas.

- Thường xuyên bảo trì bảo dưỡng hầm biogas, trong trường hợp xảy ra cháy nổ thực hiện ngay công tác bơm dẫn theo vòi nước phun chữa cháy. Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp đám cháy vượt quá khả năng ứng cứu.

- Phòng chống lưu lượng nước thải tăng lên do mưa lớn: khu vực xử lý nước thải phải có đường thoát nước mưa riêng, không để nước mưa xả vào hệ thống xử lý nước thải.





Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy ~~phép~~ môi trường số 01 /GPMT-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Cơ sở đã hoàn thành hạng mục công trình phục vụ hoạt động chăn nuôi đảm bảo quy mô, công suất đăng ký chăn nuôi của cơ sở là 1.200 con heo nái và 6.000 heo thịt.

2. Cơ sở đã hoàn thành hạng mục công trình bảo vệ môi trường đáp ứng quy mô chăn nuôi 6.000 heo thịt.

3. Khi thực hiện chăn nuôi thêm 1.200 heo nái, đề nghị chủ cơ sở thực hiện thủ tục điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân xã Xuân Thành, Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

5/02/2025

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.